TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/DS-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Lợi và Ông Ngô Xuân Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-DS, ngày 01/7/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số ngày 29/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1967 (Có mặt);

Địa chỉ: 6/83 Lê Văn H, tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Hẻm 125/29 Lê Văn H, tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2021, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đỗ Thị L trình bày:

Giữa tôi và chị Trần Thị T là chỗ quen biết hàng xóm của nhau. Từ chỗ quen biết và tin tưởng lẫn nhau, tôi có cho chị Trần Thị T, trú cùng tổ 4, phường Y, thành phố P vay một số tiền. Cụ thể, ngày 25/7/2016 chị T vay của tôi số tiền 45.000.000đ, ngày 11/4/2017 vay thêm 10.000.000đ, tổng cộng là 55.000.000đ, mỗi lần vay đều viết giấy vay tiền và hẹn trong vòng một tháng sẽ trả đầy đủ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Chị T đã trả được 6.000.000đ tiền lãi, sau đó tôi đã nhiều lần đến nhà chị T đòi nợ, nhưng chị T cố tình trốn tránh không chịu trả.

Nay tôi yêu cầu chị Trần Thị T phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 55.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra chị L không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 6 năm 2021, bị đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Ngày 25 tháng 7 năm 2016, tôi có mượn tiền của bà Đỗ Thị L giùm cho Trịnh Thị H, thôn Đức T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai với số tiền 45.000.000đ, tôi trực tiếp lấy tiền từ bà L và viết giấy mượn tiền cho bà L. Sau khi nhận tiền tôi có đưa lại cho bà H, sau đó một thời gian thì bà H đưa tiền cho tôi, thì tôi đã trả đủ tiền gốc cho bà L và cả tiền lãi. Tuy nhiên còn nợ lại tiền lãi là 10.000.000đ nên bà L bảo tôi viết giấy tiền ngày cho bà là ngày 11/4/2017 thực chất là tiền lời. Bà L cho vay với lãi suất 4000đ một ngày, sau đợt mượn tiền tôi đã trả cho bà số tiền là 12.000.000đ. Chị H không trực tiếp hỏi mượn tiền bà L vì tôi với bà L là tình cảm, cô cháu, tin tưởng lắm nên khi trả tiền gốc và lãi cho bà L không viết giấy tờ giao nhận tiền, cũng như không lấy lại giấy mượn tiền gốc. Tôi không chấp nhận yêu cầu của bà L, vì tôi đã trả vượt quá số tiền nợ, tôi chỉ đồng ý trả số tiền còn lại cho bà L là 10.000.000đ, vì bữa nay tôi không có khả năng trả nên xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản xác định thời hạn và có lãi; bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn chị Trần Thị T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung của Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đã không chấp hành, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, chỉ có một lần đến Tòa án trình bày bản tự khai ngày 15/6/2021. Đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã không chấp hành pháp luật đầy đủ, đã từ chối quyền được chứng minh phản đối yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 và phải chịu hậu quả theo Khoản 25 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ quen biết nhau. Chị Đỗ Thị L yêu cầu chị Trần Thị T phải trả số tiền gốc là 55.000.000đ theo hai giấy mượn tiền ngày 25/7/2016 và giấy mượn tiền ngày 11 tháng 4 năm 2017. Chị

Trần Thị T thừa nhận có vay của chị L số tiền 45.000.000đ, nhưng đã trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 4000đ/ngày, còn nợ lại số tiền lãi là 10.000.000đ nên ghi nợ lại theo giấy mượn tiền ngày 11/4/2017, do điều kiện hiện nay nên xin được trả dần số tiền này. Chị Đỗ Thị L cho rằng đây là hai khoản vay gốc, từ khi vay đến nay chị T chưa trả khoản tiền gốc và chỉ trả được 6.000.000đ tiền lãi, nên đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy chị Trần Thị T cho rằng mình đã trả toàn bộ tiền nợ gốc 45.000.000đ và tiền lãi, chỉ còn nợ lại số tiền lãi chưa trả 10.000.000đ ghi giấy mượn tiền ngày 11/4/2017 là tiền lãi của số tiền vay 45.000.000đ, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh số tiền 10.000.000đ là tiền lãi, và việc đã trả cho chị Đỗ Thị L tiền gốc, tiền lãi. Do đó không có cơ sở để chấp nhận lời khai này của chị Trần Thị T, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

[3.2] Về tiền lãi vay: Các bên đều thừa nhận việc vay có thỏa thuận mức lãi suất, phía bị đơn cho rằng lãi tính theo ngày là 4000đ/ngày, nguyên đơn khẳng định lãi vay là 3%/tháng, trong giấy mượn tiền ngày 25/7/2016 và ngày 11/4/2017 thì chỉ ghi lãi suất hai bên thỏa thuận, phía bị đơn xác định đã trả đầy đủ tiền lãi, chỉ nợ lại tiền lãi 10.000.000đ, nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã trả được 6.000.000đ tiền lãi và nay không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Vì vậy không có cơ sở để xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi vượt quá 6.000.000đ, nay nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi, nên số tiền lãi 6.000.000đ bị đơn đã trả cho nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét lại về tiền lãi trong hợp đồng vay giữa các đương sự.

[4] **Về tiền án phí:**

Cần buộc bị đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Trần Thị T phải trả cho chị Đỗ Thị L số tiền gốc 55.000.000đ và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 92, 227, 228, 235, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

Buộc chị Trần Thị T phải trả cho chị Đỗ Thị L số tiền gốc là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

1.Buộc chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.Chị Đỗ Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012281, ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tiến